TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2018/HS-ST
Ngày: 27 – 4 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiển.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Trung Thuyền

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1993 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Long B (đã chết năm 2011) và bà Dương Thị N; chồng: Nguyễn Văn D (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17 tháng 4 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, trong một vụ án khác. Có mặt.

- Người bị hại:

Ông Hoàng Ngọc V, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Số nhà 16, phố B, khu 2, thị trấn K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đặng Sỹ T1, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Số nhà 68, Bãi kiểm hóa, khu 2, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 04/7/2016 đến ngày 07/7/2016 Nguyễn Thị Thu G đi cùng người yêu là Hoàng Anh T đến nhà anh Hoàng Minh S và ông Hoàng Ngọc V chơi. Đến trưa ngày 07/7/2016, T và G ăn cơm tại nhà ông V, tại bữa cơm gồm có: T, G, Hoàng Ngọc A (sinh năm 2003), ông V và bà D. Khi ăn cơm xong, T hỏi A ở đây có chỗ nào đi chơi không, A dẫn G đi chơi cùng với. A nói ở đây có bể bơi thì T nói với A lát nữa đi. Được khoảng 15 phút sau T vào hỏi mượn xe mô tô của anh S và xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 12T1-105.01 của ông V (chiếc xe này đứng tên chủ xe là Hoàng Minh X - con của ông V), ngoài ra T còn mượn tiền bà D 200.000 đồng, rồi cả ba người đi xe mô tô đến bể bơi ở thôn C, xã Đ, huyện T để tắm. Được khoảng 15 phút, T nói với G "Bây giờ hết tiền tiêu rồi, ở đây mãi cũng không được, tý nữa về mượn giấy đăng ký xe mô tô của bác V rồi lấy xe mô tô của bác đi vào hiệu cầm đồ để lấy tiền tiêu", T còn mách G cách nói với ông V để mượn giấy đăng ký xe là đi lại sợ Cảnh sát giao thông bắt nếu không có giấy tờ xe, T còn nói với G "Nếu anh hỏi mượn giấy tờ sợ bác V không cho, vì bác biết anh hay chơi bời". Nghe T nói vậy, G hiểu ý là về mượn giấy tờ xe mô tô của bác V rồi sau đó lấy chiếc xe mô tô đi tiêu thụ. T nói vậy, G đồng ý và thực hiện đúng như những gì đã thống nhất với T, sau đó G lấy xe mô tô chở A về nhà ông V để hỏi mượn giấy đăng ký xe mô tô, còn T đi về chờ ở ngoài đường gần nhà. Khi G mượn được giấy tờ xe mô tô của ông V đưa cho, G tiếp tục lấy xe mô tô của ông V chở A ra chỗ T đang chờ, rồi cả ba người vào tiệm cắt tóc gội đầu, cách nhà ông V khoảng 01 km. G và A vào gội đầu, khi G gội đầu xong thì T gọi G ra và bảo "Bây giờ lấy xe anh S về trả anh S, rồi sau đó lấy xe mô tô này đi", G đồng ý rồi quay vào bảo A là G cùng T ra ngoài có chút việc, tý nữa G không đến đón được thì A tự đi về sau, còn T và G mỗi người đi một xe mô tô về trả xe cho anh S xong rồi T điều khiển xe mô tô của

ông V chở G đi đến hiệu cầm đồ của ông Đặng Sỹ T1. T trực tiếp vào giao dịch cầm xe lấy 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) khi làm thủ tục cầm cố xe, T gọi G vào ký giấy tờ và hẹn với ông T1 01 tháng sau đến lấy lại xe. Sau đó T và G đón xe khách đi cửa khẩu M, tỉnh Quảng Ninh chơi. Số tiền cầm cố xe T và G đã chi tiêu hết.

Theo lời khai của G lấy xe mô tô của ông V đi vào đặt tại hiệu cầm đồ ở cửa khẩu H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lấy tiền. Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh tại cửa khẩu H có hiệu cầm đồ của ông Đặng Sỹ T1 và được ông T1 cho biết năm 2016 được cầm cố một chiếc xe mô tô của một đôi nam nữ với số tiền là 9.000.000 đồng và hẹn 01 tháng sau sẽ quay lại lấy xe. Do đã qua thời hạn cầm cố không thấy đến lấy lại nên ông Đặng Sỹ T1 đã bán cho người khác hiện không nhớ tên và địa chỉ. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra không thể thu hồi được vật chứng.

Tại Biên bản họp ngày 29/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Tràng Định, xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-105.01 bị G và T chiếm đoạt còn có giá trị là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Đối với Hoàng Anh T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, hiện không rõ Hoàng Anh T đang ở đâu cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Tràng Định đã ra Quyết định truy nã số 03/QĐ, ngày 30/01/2018; Quyết định tách vụ hình sự số 01/QĐ, ngày 12/3/2018; Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ hình sự số 03/QĐ, ngày 16/3/2018 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 10/QĐ, ngày 16/3/2018, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Đặng Sỹ T1 là người cầm có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-105.01 của Hoàng Anh T và Nguyễn Thị Thu G. Do ông T1 không biết chiếc xe đó là do T và G phạm tội mà có, nên không xem xét xử lý ông T1 trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSTĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu G về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Người bị hại: Tại phiên tòa ông Hoàng Ngọc V trình bày, trưa ngày 07/7/2016 Hoàng Anh T và Nguyễn Thị Thu G mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-105.01 đi chơi và lợi dụng lòng tin của ông V nên bị cáo G và T chiếm đoạt chiếc xe của gia đình, nay ông V đề nghị bị cáo Nguyễn Thị Thu G

bồi thường giá trị chiếc xe mô tô theo Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thì chiếc xe mô tô còn có giá trị là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) cho gia đình ông V, ngoài ra ông V không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu G về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu G phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản "; tuyên phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì theo biên bản xác minh điều kiện kinh tế của bị cáo thì bị cáo G không có tài sản riêng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 584 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu G phải bồi thường giá trị chiếc mô tô cho ông Hoàng Ngọc V là 18.000.000 đồng;

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu G phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu G thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tràng Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu G khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra; các kết luận định giá tài sản; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có căn cứ để xác định được rằng: Trưa ngày 07/7/2016 Hoàng Anh T cùng Nguyễn Thị Thu G đến nhà ông Hoàng Ngọc V chơi và ăn cơm tại nhà ông V, đến chiều T và G đã mượn xe mô tô của ông Hoàng Ngọc V chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 12T1-105.01 cùng giấy tờ xe mang vào hiệu cầm đồ của ông Đặng Sỹ T1 cầm cố lấy 9.000.000 đồng, sau đó T cùng G đón xe khách đi cửa khẩu M, tỉnh Quảng Ninh chơi và tiêu sài hết số tiền cầm cố. Do đó hành vi của bị cáo gây ra đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu G phạm tội ‘‘Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999. Nhận thấy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội ‘‘Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực từ 01/01/2018, trong đó quy định một số điều luật có khung hình phạt nhẹ hơn, có lợi cho người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 thì áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để điều tra, truy tố, xét xử theo hướng có lợi, thì hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu G đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[3] Xét về hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu G lợi dụng sự tín nhiệm của người có tài sản, kẻ phạm tội núp dưới hình thức hỏi vay, mượn hoặc thuê tài sản của người khác bằng các hợp đồng hoặc thoả thuận miệng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn. Sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến khả năng không trả được tài sản cho chủ sở hữu. Do vậy, hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản này của bị cáo Nguyễn Thị Thu G phải được xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, vào tháng 5/2016 bị cáo tham gia vào vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Phan Văn T2 ở thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vụ án đã bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử vào ngày 17/4/2018 xử 01 năm 06 tháng tù, hiện bản án chưa có hiệu lực pháp luật; bị cáo là thành phần lười lao động, mặc dù đã có gia đình, có

01 chồng và 01 con, nhưng bị cáo đã lợi dụng mỗi quan hệ quen biết với ông Hoàng Ngọc V, để lợi dụng lòng tin ông Hoàng Ngọc V lấy tài sản đi cầm cố lấy tiền để phục vụ nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu G đã vi phạm pháp luật. Do đó, trước khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xem xét, cân nhắc một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi bị bắt trong vụ án khác bị cáo Nguyễn Thị Thu G đã khai nhận hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chiếc xe mô tô của ông Hoàng Ngọc V. Qua xem xét thấy bị cáo Nguyễn Thị Thu G đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được hưởng một phần tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy, bị cáo chỉ được hưởng một phần tình tiết giảm nhẹ, nhưng xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu, vào tháng 5/2016 bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô của người khác, bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xét xử 01 năm 06 tháng tù ngày 17/4/2018 (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Do đó, hành vi của bị cáo gây ra cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung. Hình phạt bổ sung không áp dụng vì theo biên bản xác minh ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Ủy bản nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang về điều kiện kinh tế của bị cáo thì bị cáo G không có tài sản riêng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, bồi thường thiệt hại đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận. Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính trừng trị, răn đe và phòng ngừa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu G phải bồi thường giá trị chiếc mô tô cho ông Hoàng Ngọc V là 18.000.000 đồng;

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, f khoản 1, Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị Thu G phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; khoản 1 Điều 48; điểm s, khoản 1 Điều 51của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 585; khoản 1, Điều 586; khoản 1, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm f, khoản 1, Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu G, phạm tội ‘‘Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản’’, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu G 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về bồi thường dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu G phải bồi thường giá trị chiếc mô tô cho ông Hoàng Ngọc V 18.000.000 đồng (Mười tám triệu).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu G chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- UBND xã L;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bàn Văn Tiến